

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH V**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2022
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH V

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Doan và bà Bùi Thị Kim Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yên, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: khu 5, tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh V, có mặt.

Bị đơn: Anh Đại Ngọc S, sinh năm 1989; địa chỉ: khu 3, tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2022 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đại Ngọc S trên cơ sở được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01.10.2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường đến cuối năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do anh S mãi chơi, không tu chí làm ăn. Chị khuyên nhưng anh S không thay đổi nên anh chị nhiều lần ly thân rồi lại về đoàn tụ. Đến tháng 4 năm 2020, anh chị sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ đó đến nay, không lần nào gặp gỡ để dàn xếp vợ chồng về đoàn tụ. Nay, chị xét thấy tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị T xác định anh chị có 03 con chung là Đại Quốc H, sinh ngày 04/6/2010; Đại Thị Thu T, sinh ngày 13/4/2013 và Đại Thị Yên N, sinh ngày 18/8/2014, cả 03 cháu đang sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cả 03 con, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ/tháng/cháu.

Tại phiên tòa, chị T thay đổi yêu cầu về giao nuôi con chung, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Đại Thị Thu T và cháu Đại Thị Yến N. Anh S được nuôi cháu Đại Quốc H; chị và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đại Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về quá trình kết hôn, thời gian ly thân như chị T trình bày là đúng. Trong cuộc sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh xác định có 03 con chung như chị T trình bày, 03 cháu đang sống cùng chị T. Ly hôn, anh từ chối đưa ra quan điểm về giao nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Anh S không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh S; giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đại Thị Thu T, sinh ngày 13/4/2013 và cháu Đại Thị Yến N, sinh ngày 18/8/2014. Anh S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đại Quốc H, sinh ngày 04/6/2010; chị T, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đại Ngọc S; chị T, anh S đều cư trú tại huyện Y, tỉnh V. Do vậy, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh V theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh Đại Ngọc S vắng mặt nhưng anh S đã được triệu tập hợp lệ, ngày 27/4/2022, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đại Ngọc S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh V, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến khoảng năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do chị T không còn niềm tin đối với anh S dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát và sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Xét thấy, trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị T và anh S đều xác định tình cảm không còn, đề

ngợi Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Do vậy, hôn nhân của chị T, anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh S là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đại Ngọc S xác nhận có 03 con chung là Đại Quốc H, sinh ngày 04/6/2010; Đại Thị Thu T, sinh ngày 13/4/2013 và Đại Thị Yến N, sinh ngày 18/8/2014, cả 03 cháu đang sống cùng chị T. Ly hôn, anh S từ chối đưa ra quan điểm về giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung; chị T đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Đại Thị Thu T và Đại Thị Yến N, để anh S nuôi cháu Đại Quốc H; chị và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy, kể từ khi anh chị ly thân nhau, 03 cháu vẫn do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu phát triển bình thường. Hiện anh S làm nghề tự do và có nhà ở ổn định tại địa phương; chị T làm Công nhân thu nhập trung bình hàng tháng khoảng từ 5.000.000đ đến 5.500.000đ, nếu tiếp tục để chị T nuôi cả 03 con chung của anh chị sẽ rất vất vả, khó có thể duy trì được cuộc sống lâu dài và đảm bảo mọi mặt cho đến khi các cháu trưởng thành nên cần giao cháu Đại Quốc H cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng; chị T nuôi dưỡng cháu Đại Thị Thu T và Đại Thị Yến N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp.

[4]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đại Ngọc S.

2. Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đại Thị Thu T, sinh ngày 13/4/2013 và cháu Đại Thị Yến N, sinh ngày 18/8/2014; anh S trực tiếp nuôi cháu Đại Quốc H, sinh ngày 04/6/2010. Chị T và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001203 ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh V;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND thị trấn Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Lưu